TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2022
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Tiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc và Ông Nguyễn Công Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2021/TLST-DS, ngày 18/10/2021 về "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS, ngày 14/3/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-DS, ngày 12/4/2022, Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa số 446/2022/TA-DS, ngày 11/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Địa chỉ: 35 Hàng V, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Nhật T – Trưởng Phòng khách hàng cá nhân 1 BIDV chi nhánh Phố N làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2021) (Có mặt).

Địa chỉ: 242 Nguyễn Tất T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1976 và chị Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 9/1 Hai Bà T, tổ 1, phường Tây S, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2021, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Viết tắt là BIDV) thông qua BIDV – Chi nhánh Phố N với bị đơn là ông Phạm Văn Q

và bà Lê Thị Tuyết T ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8792898/HĐTD ngày 29/7/2016. Theo đó, bị đơn vay tín dụng số tiền là 700.000.000đ, thời hạn vay là 48 háng từ ngày 29/7/2016 đến ngày 29/7/2020, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô tải, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm vay là 10,5%/năm và được cố định đến ngày 30/9/2016.

Từ ngày 01/10/2016 trở đi lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Trụ sở BIDV Chi nhánh Phố N thông báo cộng (+) thêm phí Ngân hàng là 5,4%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh vào ngày 01 của tháng cuối quý (khi lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Trụ sở BIDV chi nhánh Phố N công bố có hiệu lực từ ngày 01 của tháng cuối quý có sự thay đổi) và tuân thủ quy định về lãi suất của BIDV theo từng thời kỳ, nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay.

Khi vay, bị đơn thế chấp xe ô tô tải theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013760 do Phòng Cảnh sát Giao thông, Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/7/2016, biển số xe 81C-10591, nhãn hiệu: Toyota, màu sơn: Vàng, số máy: IKDU855436, số khung: 3CD3G0001752 theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/8792898/HĐBĐ, được Văn phòng Công chứng Phù Đ chứng thực ngày 29/7/2016 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký Giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 29/7/2016.

Đến hạn trả nợ bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, cố tình tránh mặt nguyên đơn. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc, nhắc nhở, gửi văn bản thông báo trả nợ nhưng không có kết quả.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Q và bà Lê Thị Tuyết T phải thanh toán nợ còn lại cho BIDV thông qua BIDV – Chi nhánh Phú N theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8792898/HĐTD ngày 29/7/2016 với số tiền nợ gốc là 175.000.000đ và nợ lãi đến ngày 31/5/2022 là 83.808.715đ; tiền lãi và phí phát sinh từ ngày 01/6/2022 cho đến khi thanh toán nợ xong.

Trường hợp ông Phạm Văn Q và bà Lê Thị Tuyết T không thanh toán được hết nợ thì xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

**** Bị đơn anh Phạm Văn Q và chị Lê Thị Tuyết T quá trình tham gia tố tụng không có mặt nên không có lời khai tại hồ sơ.***

Kiểm sát viên có ý kiến phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp. Các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng theo quy định, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng. Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trường hợp bị đơn không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ tại địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo cấp xét xử và theo lãnh thổ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với các bị đơn quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nhưng không có mặt do đó HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, HĐXX tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8792898/HĐTD ngày 29/7/2016. Theo đó, bị đơn vay tín dụng số tiền là 700.000.000đ, thời hạn vay là 48 háng từ ngày 29/7/2016 đến ngày 29/7/2020, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô tải, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm vay là 10,5%/năm và được cố định đến ngày 30/9/2016.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh. Các bị đơn vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ, tuy nhiên theo các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được có cơ sở xác định các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc và lãi chưa trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, số tiền nợ gốc là 175.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 31/5/2022 là 83.808.715đ. Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Khi vay, anh Phạm Văn Q và chị Lê Thị Tuyết T thế chấp xe ô tô tải theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013760 do Phòng Cảnh sát Giao thông, Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/7/2016, biển số xe 81C-10591, nhãn hiệu: Toyota, màu sơn: Vàng, số máy: IKDU855436, số khung: 3CD3G0001752 theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/8792898/HĐBĐ, được Văn phòng Công chứng Phù Đ chứng thực ngày 29/7/2016 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký Giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 29/7/2016. Việc thế chấp tài sản bảo đảm của bên có nghĩa vụ được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực đối kháng với người thứ ba.

[6] Về chi phí tố tụng khác:

Tiền chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng), nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ (Đã nộp đủ).

[7] ***Về tiền án phí:***

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn, phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng Điều 275, 280, 297, 319, 385, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

-Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 40, 70, 91, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

1-Buộc anh Phạm Văn Q và chị Lê Thị Tuyết T phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tính đến hết ngày 31/5/2022 tổng cộng là: 258.808.715đ (Hai trăm năm tám triệu tám trăm lẻ tám nghìn bảy trăm mười lăm đồng); Trong đó:

-Tiền nợ gốc là 175.000.000đ.

-Tiền lãi đến ngày 31/5/2022 là 83.808.715đ.

2-Trường hợp bị đơn không thanh toán hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự xử lý tài sản do bị đơn đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật đối với chiếc xe ô tô tải theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013760 do Phòng Cảnh sát Giao thông, Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/7/2016, biển số xe 81C-10591, nhãn hiệu: Toyota, màu sơn: Vàng, số máy: IKDU855436, số khung: 3CD3G0001752 theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/8792898/HĐBĐ, được Văn phòng Công chứng Phù Đ chứng thực ngày 29/7/2016 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký Giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 29/7/2016.

3-Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phố N có nghĩa vụ xóa thế chấp, trả cho anh Phạm Văn Q và chị Lê Thị Tuyết T bản gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu xe đã giao cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp nêu trên.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

-Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 157, 158, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

-Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.895.885đ (Năm triệu tám trăm chín lăm nghìn tám trăm tám lăm đồng) theo biên lai số 0000885, ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

-Buộc anh Phạm Văn Q và chị Lê Thị Tuyết T phải liên đới chịu 12.940.435đ (Mười hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn bốn trăm ba lăm đồng) [258.808.715đ x 5%] tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

-Căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Tiền chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng), nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ (Đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND thành phố P;
-Chi cục THADS TP.P (Để thi hành);
-Các đương sự;
-Lưu HS, VT.

Hoàng Văn Tiến